

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TECHNOLOGY QUẢNG NINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TECHNOLOGY QUẢNG NINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG NINH TECHNOLOGY IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QUANG NINH TECHNOLOGY IMPORT EXPORT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110661972

3. Ngày thành lập: 25/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2 Ngõ 42 Tổ 4, Xóm Đá Dựng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0834586288

Fax:

Email: huent86288@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống đèn chiếu sáng + Hệ thống âm thanh + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, báo cháy tự động. v	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá ô tô và xe có động cơ khác);	4513

8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác);	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá mô tô, xe máy);	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);	4543
13.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đầu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội) (Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đầu giá)	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ hoá chất nhà nước cấm kinh doanh, các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)	4669
28.	Khai thác quặng sắt	0710
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
31.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
32.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

33.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
34.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
35.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
36.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
37.	Lập trình máy vi tính	6201
38.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
39.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục sự cố máy tính và cài đặt phần mềm;	6209
40.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
41.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
42.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ tư vấn tài chính, pháp luật, kế toán) Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
43.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
44.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
45.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn đấu thầu - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; giám sát công tác hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy; tư vấn chuyển giao công nghệ về phòng cháy chữa cháy, tư vấn thẩm định về phòng cháy chữa cháy.	7110
46.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
47.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310

48.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra) Chi tiết: Điều tra thị trường tiềm năng, sự chấp nhận, tính liên quan của sản phẩm và thói quen mua sắm của người tiêu dùng cho mục đích xúc tiến bán và phát triển những sản phẩm mới, bao gồm kết quả phân tích thống kê	7320
49.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; Hoạt động trang trí nội thất; (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);	7410
50.	Cho thuê xe có động cơ	7710
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
52.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị; - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi; - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
53.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
54.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
55.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
56.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
57.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
58.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
59.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
60.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Cưa, xẻ, bào và gia công cắt gọt gỗ. Xẻ mỏng, bóc vỏ, đẽo bào gỗ. Sản xuất tà vẹt bằng gỗ. Sản xuất sàn gỗ chưa lắp ráp. Sản xuất sợi gỗ, bột gỗ, vỏ bào, hạt gỗ. Làm khô gỗ. Tẩm hoặc xử lý hoá chất gỗ với chất bảo quản hoặc nguyên liệu khác	1610
61.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như: + Tẩm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau), + Làm dưới dạng rời; Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự; Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ; Sản xuất gỗ ván ghép, ván dăm; giàn giáo, cốt pha; gỗ ván lạng; gỗ bóc, gỗ sẻ, ván keo; gỗ băm dăm từ rừng trồng; Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ công nghiệp MDF, gỗ trang trí ván mỏng;	1621

62.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong công nghiệp xây dựng, cụ thể: (Rui, mè, xà, dầm, ván lót, các thanh giằng giàn giáo, cốt pha; Các khung đỡ mái nhà được làm sẵn bằng gỗ, bằng kim loại nối với nhau và bằng gỗ dán mỏng; Cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, bất kể chúng có các phụ kiện bằng kim loại hay không, như bản lề, khoá...; Cầu thang, hàng rào chắn; Ván ốp, hạt gỗ, gỗ đúc; Lót ván sàn, mảnh gỗ ván sàn được lắp ráp thành tấm); Sản xuất các khung nhà lắp sẵn hoặc các bộ phận của nhà, chủ yếu bằng gỗ; Sản xuất nhà gỗ di động; Sản xuất các bộ phận bằng gỗ (trừ các đồ không có chân).	1622
63.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
64.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất tranh khắc bằng gỗ; Đồ dùng gia đình và đồ dùng nấu bếp bằng gỗ; Tượng và đồ trang trí bằng gỗ, đồ khảm, trạm hoa văn bằng gỗ; Hộp, nắp nhỏ đựng đồ trang sức quý và các vật phẩm tương tự bằng gỗ; Các vật phẩm khác bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm decor bằng gỗ trang trí; Đồ tranh trí thủ công, đồ lưu niệm bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm từ lâm sản, cói và vật liệu tết bện; Sản xuất hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; sản tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; Sản xuất đồ gỗ điêu khắc, đồ gỗ chạm khắc hoa tiết, chạm khắc gỗ, điêu khắc gỗ, tranh gỗ, tranh gỗ, phù điêu gỗ; Đồ gỗ mỹ nghệ , kỹ nghệ; Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ hàng lưu niệm bằng tre, gỗ, song mây, sừng, đồi mồi, san hô... Sản xuất tranh gỗ, phù điêu và các tác phẩm nghệ thuật khác được sản xuất hàng loạt mang tính chất thương mại. Sản xuất sản phẩm decor bằng gỗ trang trí từ gỗ dán mỏng, gỗ công nghiệp MDF, gỗ trang trí ván mỏng;	1629
65.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ hóa chất cảm, hóa chất thú y, y tế , bảo vệ thực vật);	2011
66.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
67.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
68.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
69.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
70.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
71.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
72.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
73.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
74.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

75.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
76.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
77.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
78.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
79.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
80.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
81.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
82.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
83.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
84.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.	4791
85.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	4931
86.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
87.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
88.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản);	5210
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
90.	Bốc xếp hàng hóa	5224
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa;	5229
93.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
94.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (riêng kinh doanh rượu, thuốc lá chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy hoạch)	5610

95.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới..)	5621
96.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
97.	Xuất bản phần mềm	5820
98.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet - Đại lý dịch vụ viễn thông	6190
99.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
100.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
101.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
102.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu	7730
103.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới việc làm (Không bao gồm hoạt động trung tâm môi giới việc làm)	7810
104.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
105.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
106.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
107.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
108.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
109.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
110.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
111.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
112.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
113.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
114.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
115.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
116.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
117.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
118.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy;	3320

119.	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện từ năng lượng nước, từ than đá, từ khí thiên nhiên, từ năng lượng gió; Sản xuất điện mặt trời, điện áp mái;	3511
120.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
121.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
122.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
123.	Thu gom rác thải độc hại	3812
124.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
125.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
126.	Tái chế phế liệu	3830
127.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân; Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển ; Huỷ bỏ amiăng, sơn chì;	3900
128.	Xây dựng nhà để ở	4101
129.	Xây dựng nhà không để ở	4102
130.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
131.	Xây dựng công trình điện	4221
132.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
133.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
134.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
135.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
136.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom mìn)	4312
137.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
138.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
139.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
140.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
141.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

142.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
------	--	------

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HUỆ	Khu Triều Khê, Phường Hồng Phong, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	0221860001 73	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		
2	NGUYỄN VIỆT HƯNG	Khu Triều Khê, Phường Hồng Phong, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	0220830098 05	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		

3	NGUYỄN ĐỨC THƯƠNG	Bình Lục Thượng, Phường Hồng Phong, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	022091005751	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUẾ
Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/08/1986
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022186000173

Ngày cấp: 12/08/2021
Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Triều Khê, Phường Hồng Phong, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Triều Khê, Phường Hồng Phong, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội